

Tên : _____ Lớp : _____

KIỂM TRA HỌC KỲ 學期評量

I - Điền vào chỗ trống 填充題 : (12分)

phở bò

tên

chào

Xin cho

bánh

muốn mua

1.(女)老師好!: Em _____ cô ạ!

2.我想買一包餅乾: Em _____ một gói _____ ạ.

3.請給我一碗和粉: _____ tôi một tô _____.

4.你叫什麼名字: Em _____ là gì?

II - Nối từ với hình thích hợp 連連看 : (12分)

chanh

bánh

phở bò

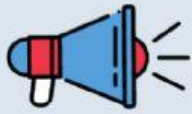
gỏi cuốn

bánh mì

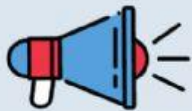
cà phê đá



III - Nghe và chọn câu đúng 聽一聽、選一選 : (16分)



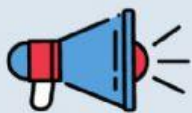
- ☐ 1.Em chào thầy ạ !
- ☐ 2.Em chào cô ạ !
- ☐ 3.Cảm ơn chị !



- ☐ 1.Mẹ muốn mua gì không ?
- ☐ 2.Quý khách muốn dùng gì ạ ?
- ☐ 3.Xin chào quý khách !



- ☐ 1.Em tên là gì ?
- ☐ 2.Em tên là Dung .
- ☐ 3.Em tên là An .



- ☐ 1.Em muốn mua một tô phở bò.
- ☐ 2.Xin cho tôi một tô phở bò
- ☐ 3.Em muốn mua một tô phở gà

IV - Ghép thành câu 排句子 : (15分)

muốn

Em

gì

không ?

mua

một

bánh

ổ

tôi

mì

Cho

tên

Em

ạ !

là

An

V - Nối hai câu liên quan với nhau 連兩個相關句子 : (15分)

Anh muốn gọi món gì ? ●

● Em tên là Dung ạ.

Em chào thầy ạ ! ●

● Chào các em !

Mẹ muốn mua gì ? ●

● Em muốn mua bánh ạ.

Em tên là gì ? ●

● Mẹ muốn mua bánh mì.

Em muốn mua gì ? ●

● Xin cho tôi hai ly cà phê.

VI - Phiên dịch câu 翻譯句子 : (15分)

同學們好 !

歡迎光臨 !

謝謝(男)老師 !

VI - Chọn câu đúng 是非題 (對的請打勾) : (15分)

①

một chai chanh

☐

một trái chanh

☐

②

một gói bánh mì

☐

một ổ bánh mì

☐

③

một tô phở bò

☐

một ly phở bò

☐